

# Nghiên cứu thực trạng công tác giáo dục thể chất của trường Đại học Thương mại Hà Nội

ThS. Cao Hùng Dũng; TS. Nguyễn Trọng Bốn

## TÓM TẮT:

Qua nghiên cứu lý luận và thực tiễn, đề tài nghiên cứu thực trạng công tác giáo dục thể chất (GDTC) của trường Đại học Thương mại Hà Nội (ĐHTMHN), trên cơ sở đó đề tài nghiên cứu đánh giá được thực trạng thể lực của sinh viên (SV) năm thứ nhất để lựa chọn được các giải pháp phù hợp áp dụng có hiệu quả vào giảng dạy nâng cao thể lực cho SV năm thứ nhất trường ĐHTMHN.

**Từ khóa:** thể lực, các giải pháp, sinh viên năm thứ nhất, trường Đại học Thương mại Hà Nội.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác GDTC cho học sinh, SV nhiều trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp không chỉ thực hiện đầy đủ những quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về nội dung chương trình GDTC mà còn vận dụng sáng tạo trên cơ sở cải tiến các nội dung học tập mới phù hợp với điều kiện của từng trường, điều kiện đó cũng góp phần không nhỏ vào việc nâng cao chất lượng GDTC cho học sinh, SV.

Trường ĐHTMHN là một trong những trường có bề dày thành tích trong đào tạo trình độ Đại học của cả nước Vì vậy, việc thường xuyên rèn luyện thân thể là trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi SV, nhằm mục đích rèn luyện thể chất, phát triển thể lực cho mỗi SV ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, giúp họ khi tốt nghiệp ra trường, sẽ nhanh chóng hòa nhập với thực tế công tác và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Xuất phát từ những lý do trên, với mong muốn đóng góp một phần vào sự phát triển của nhà trường, nâng cao hơn nữa chất lượng GDTC phát triển thể lực cho SV, thì trước hết phải đánh giá được thực trạng công tác GDTC cũng như thể lực của SV năm thứ nhất trường ĐHTMHN. Xuất phát từ lý do trên đề tài tiến hành: “Nghiên cứu thực trạng công tác giáo dục thể chất của trường Đại học Thương mại Hà Nội”.

Trong quá trình nghiên cứu, đề tài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: phân tích và tổng hợp tài liệu, phỏng vấn tọa đàm, quan sát sư phạm, toán học thống kê.

## 2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 2.1. Thực trạng đội ngũ giáo viên GDTC của trường ĐHTMHN

## ABSTRACT:

Through theoretical and practical research, the research topic is about the physical education of ThuongMai University, on that basis, the research is to evaluate the state of physical fitness of the first year students to select the appropriate solutions which can be applied effectively in the training to improve physical fitness for the first year students at Thuong Mai University.

**Keywords:** physics, solutions, first-year students, Thuong Mai University.

Kết quả thống kê thực trạng đội ngũ giáo viên (GV) GDTC của trường ĐHTMHN được trình bày tại bảng 1.

**Bảng 1. Thực trạng đội ngũ GV GDTC của trường ĐHTMHN**

| TT          | Tổng số GV | Thạc sỹ | Đang học cao học | Đại học   | Tuổi đời |         |      |
|-------------|------------|---------|------------------|-----------|----------|---------|------|
|             |            |         |                  |           | < 30     | 30 - 50 | > 50 |
| 2016 - 2017 | 12         | 11      | 1                | Chính quy | 1        | 11      |      |

Qua bảng 1 cho thấy:

- Số lượng GV của trường còn ít (12 GV), trình độ GV chưa được nâng cao, cụ thể cả khoa GV chưa có ai đạt trình độ tiến sĩ và 01 GV đang hoàn thành chương trình cao học. Hiện tại, số GV tại bộ môn ít, đó cũng là một mặt hạn chế vì GV ít trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học kỹ thuật để áp dụng vào thực tế công tác giảng dạy.

- Số lượng SV 1 khóa là 4000 SV - tương đối là đông, một năm Khoa GDTC đảm nhiệm dạy 2 khóa - tức là 8000 SV trên 12 GV, tỷ lệ khá cao, làm ảnh hưởng lớn tới quá trình giảng dạy và chuẩn bị giáo án.

### 2.2. Thực trạng về chương trình giảng dạy và cách thức tổ chức giờ học GDTC trong trường ĐHTMHN

**Bảng 2. Phân bố thời gian học tập môn GDTC của trường ĐHTMHN**

| TT | Môn học           | Số tiết | Học kỳ | Ghi chú  |
|----|-------------------|---------|--------|----------|
| 1  | Lý thuyết         | 15      | Kỳ 1   | Bắt buộc |
| 2  | Chạy ngắn (100m)  | 15      | Kỳ 1   | Bắt buộc |
| 3  | Thể dục tay không | 15      | Kỳ 2   | Bắt buộc |
| 4  | Bóng ném          | 15      | Kỳ 3   | Bắt buộc |
| 5  | Nhảy cao          | 15      | Kỳ 4   | Bắt buộc |

Chương trình GDTC hiện nay của trường được phân bố tại bảng 2.

Chương trình môn học GDTC trong trường ĐHTMHN được giảng dạy là 75 tiết, chia ra làm 4 học kỳ và được phân bố như bảng trên.

Việc học tập diễn ra từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, mỗi ngày 2 buổi, mỗi buổi 5 tiết.

### 2.3. Thực trạng về cơ sở vật chất phục vụ công tác GDTC cho SV trường ĐHTMHN

Kết quả điều tra thực trạng cơ sở vật chất được trình bày ở bảng 3.

Qua bảng 3 cho thấy: thực trạng cơ sở vật chất phục vụ công tác GDTC của trường ĐHTMHN còn nhiều hạn chế: số lượng sân tập còn thiếu, số lượng đệm nhảy cao không đủ... Diện tích sân bãi và dụng cụ phục vụ giảng dạy và học tập GDTC tại trường ĐHTMHN còn thiếu nhiều. Về chất lượng sân bãi chỉ mở mức độ trung bình, mặt sân là bê tông nên quá trình tập luyện TDTT rất dễ xảy ra chấn thương.

### 2.4. Thực trạng công tác ngoại khóa của SV và cán bộ, GV trường ĐHTMHN

Kết quả thực trạng được trình bày ở bảng 4.

Qua bảng 4. ta thấy: số SV và cán bộ, GV tham gia tập luyện thường xuyên rất ít, nguyên nhân là do cơ sở vật chất, thiết bị tập luyện ở trường chưa đầy đủ và chưa đưa các môn thể thao các em yêu thích vào tập luyện thường xuyên, các em chưa có được nhận thức đầy đủ về lợi ích và tác dụng của TDTT, chưa có thời gian và thiếu sân bãi tập luyện và đặc biệt là các em chưa chú trọng đến việc luyện tập thể thao, rèn luyện thể chất (RLTC).

### 2.5. Thực trạng về sức khỏe của SV trường ĐHTMHN

Kết quả được trình bày ở bảng 5.

Qua bảng 5 ta có thể rút ra nhận xét:

- SV có sức khỏe tốt chỉ chiếm 37/300 người được kiểm tra (chiếm tỷ lệ 12.33%).

- Tỷ lệ SV có sức khỏe loại trung bình và sức khỏe yếu của trường ĐHTMHN rất lớn chiếm tỷ lệ 63.66% và 24.66%.

- Từ thực tế cho thấy thực trạng SV vào trường ĐHTMHN có thể chưa tốt và chưa đáp ứng được tiêu chuẩn rèn luyện thân thể (RLTT).

**Bảng 3. Thực trạng về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác GDTC của trường ĐHTMHN**

| Loại hình sân bãi, dụng cụ | Năm học 2016 - 2017 |     |            |     | Năm học 2017 - 2018 |     |            |     |
|----------------------------|---------------------|-----|------------|-----|---------------------|-----|------------|-----|
|                            | Số lượng            | Tốt | Trung bình | Kém | Số lượng            | Tốt | Trung bình | Kém |
| Sân tập                    | 5                   | 0   | X          | 0   | 5                   | 0   | X          | 0   |
| Đệm nhảy cao               | 16                  | 0   |            | 0   | 16                  | 0   |            | 0   |
| Sân cầu lông               | 3                   | 0   | X          | 0   | 3                   | 0   | X          | 0   |
| Sân bóng chuyền            | 1                   | 0   | X          | 0   | 1                   | 0   | X          | 0   |
| Bóng chuyền (quả)          | 200                 | 0   | X          | 0   | 200                 | 0   | X          | 0   |
| Sân bóng ném               | 1                   | 0   | X          | 0   | 1                   | 0   | X          | 0   |
| Bóng ném (quả)             | 150                 | 0   | X          | 0   | 150                 | 0   | X          | 0   |

**Bảng 4. Thực trạng về phong trào tập luyện TDTT ngoại khóa của các đối tượng trường ĐHTMHN**

| Lịch tập    | Đối tượng     |           |             |           |                         |           |
|-------------|---------------|-----------|-------------|-----------|-------------------------|-----------|
|             | SV (n = 1055) |           | GV (n = 60) |           | Cán bộ quản lý (n = 30) |           |
|             | Số lượng      | Tỷ lệ (%) | Số lượng    | Tỷ lệ (%) | Số lượng                | Tỷ lệ (%) |
| 1 buổi/tuần | 475           | 45.02     | 25          | 41.66     | 15                      | 50        |
| 2 buổi/tuần | 355           | 33.64     | 15          | 25        | 9                       | 30        |
| 3 buổi/tuần | 160           | 15.16     | 10          | 10        | 6                       | 20        |

**Bảng 5. Phân loại sức khỏe SV của trạm y tế trường ĐHTMHN**

| Giới tính     | Loại tốt |         | Loại trung bình |         | Loại yếu |         |
|---------------|----------|---------|-----------------|---------|----------|---------|
|               | Số lượng | Tỷ lệ % | Số lượng        | Tỷ lệ % | Số lượng | Tỷ lệ % |
| Nam (n = 150) | 20       | 13.13   | 95              | 63.33   | 35       | 23.33   |
| Nữ (n = 150)  | 17       | 11.33   | 96              | 64.00   | 37       | 24.66   |

**Bảng 6. Kết quả kiểm tra đánh giá thể lực của SV các khóa năm 2017 – 2018 của trường ĐHTMHN theo tiêu chuẩn phân loại thể lực**

| Năm thứ       | Kết quả phân loại chung |         |          |         |          |         |
|---------------|-------------------------|---------|----------|---------|----------|---------|
|               | Tốt                     |         | Đạt      |         | Chưa đạt |         |
|               | Số lượng                | Tỷ lệ % | Số lượng | Tỷ lệ % | Số lượng | Tỷ lệ % |
| I (n = 218)   | 57                      | 26      | 86       | 39,5    | 75       | 34,5    |
| II (n = 270)  | 112                     | 41,6    | 96       | 35,4    | 62       | 23      |
| III (n = 190) | 65                      | 34,2    | 52       | 27,4    | 73       | 38,4    |

**Bảng 7. Thực trạng về kinh phí tập luyện và hình thức tổ chức quản lý các hoạt động GDTC của trường ĐHTMHN**

| TT | Nội dung hoạt động tập luyện, thi đấu | Nguồn cung cấp kinh phí |          |        | Hình thức tổ chức quản lý |          |         |
|----|---------------------------------------|-------------------------|----------|--------|---------------------------|----------|---------|
|    |                                       | Cá nhân                 | Lớp khóa | Trường | Trường                    | Lớp khóa | Tự phát |
| 1  | Tập luyện và thi đấu ngoài giờ        | +                       | 0        | 0      | +                         | -        | +       |
| 2  | Thi đấu nội bộ                        | +                       | -        | 0      | 0                         | -        | +       |
| 3  | Giao lưu thi đấu ngoài trường         | -                       | 0        | +      | +                         | 0        | 0       |
| 4  | Đội tuyển                             | -                       | 0        | +      | +                         | 0        | 0       |

Ghi chú (+): Là chính

(-): Là phụ

**Bảng 8. Kết quả phỏng vấn xác định các yếu tố chính ảnh hưởng đến chất lượng GDTC của trường ĐHTMHN (n = 35)**

| TT | Yếu tố   | Số phiếu |        |           |         |
|----|--|----------|--------|-----------|---------|
|    |  | Phát ra  | Thu về | Tán thành | Tỷ lệ % |
| 1  | Nhận thức của lãnh đạo và quản chúng với tập luyện TDĐT    | 35       | 35     | 33        | 94,29   |
| 2  | Tỷ lệ người tham gia thường xuyên các hoạt động ngoại khóa | 35       | 35     | 25        | 71,43   |
| 3  | Cơ sở vật chất   | 35       | 35     | 35        | 100     |
| 4  | Số lượng chất lượng GV                                     | 35       | 35     | 33        | 94,29   |
| 5  | Kinh phí hoạt động thi đấu tập luyện                       | 35       | 35     | 34        | 97,14   |
| 6  | Chế độ khen, chê, ưu đãi                                   | 35       | 35     | 26        | 74,29   |
| 7  | Cải tiến chương trình môn học                              | 35       | 35     | 34        | 97,14   |

### 2.6. Đánh giá thực trạng phát triển thể lực của SV trường ĐHTMHN

Kết quả kiểm tra được chúng tôi trình bày ở bảng 6.

Qua bảng 6 ta thấy nếu so sánh kết quả rèn luyện thân thể của năm thứ nhất, thứ hai và thứ ba:

- Số SV không đạt tiêu chuẩn RLTT năm thứ nhất là 75/268 chiếm tỷ lệ 34,5%.
- Số SV không đạt tiêu chuẩn RLTT năm thứ hai là 62/270 chiếm tỷ lệ 23%.
- Số SV không đạt tiêu chuẩn RLTT năm thứ ba là 73/190 chiếm tỷ lệ 38,4%.

- So sánh kết quả của năm thứ nhất với năm thứ hai thì số SV không đạt tiêu chuẩn RLTT của năm thứ hai có chiều hướng giảm xuống.

- Năm thứ ba không học môn GDTC thì số SV không đạt tiêu chuẩn RLTT tăng rõ rệt.

Từ thực trạng trên cũng đặt ra một yêu cầu bức thiết đối với bộ môn GDTC của trường ĐHTMHN là cần phải sử dụng nhiều biện pháp, hình thức để nâng cao thể chất cho SV.

### 2.7. Thực trạng các hình thức tổ chức hoạt động GDTC và nguồn kinh phí

Qua bảng 3.7 ta có thể rút ra nhận xét:

-Việc luyện tập và thi đấu ngoài giờ của SV dựa vào kinh phí của cá nhân và việc tập luyện tự phát là chính. Sự hỗ trợ kinh phí của nhà trường hoặc của tập thể tập

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban bí thư Trung ương Đảng (2002), *Chỉ thị số 17/2002/CT-TW*;
2. Ban khoa giáo Trung ương Đảng (2002), *Hướng dẫn thực hiện chỉ thị số 17/2002/CT-TW Bộ Giáo dục – Đào tạo, Tạp chí giáo dục thể lực số 32-36.*

*Nguồn bài báo: trích từ đề tài luận văn cao học của học viên năm 2018. Tên đề tài luận văn: “Nghiên cứu giải pháp phát triển thể lực cho SV năm thứ nhất trường ĐHTMHN” Tác giả: Nguyễn Văn Sơn CH2- HDKH: TS: Nguyễn Trọng Bốn.*

*(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 22/1/2019; ngày phản biện đánh giá: 12/2/2019; ngày chấp nhận đăng: 16/4/2019)*

trung vào đội tuyển trường hoặc khoa để tham gia các giải khu vực hoặc giao lưu với các đơn vị khác.

### 2.8. Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả GDTC cho SV trường ĐHTMHN

Kết quả phỏng vấn được trình bày ở bảng 8.

Qua bảng 8 ta thấy: 7 yếu tố chúng tôi tổng hợp từ các tư liệu và đã tiến hành phát phiếu phỏng vấn, kết quả thu được tỷ lệ phiếu tán thành đạt từ 71% đến 100% điều này cho thấy: đây chính là các yếu tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển của phong trào thể dục thể thao nói chung và của trường ĐHTMHN nói riêng.

### 3. KẾT LUẬN

Từ kết quả nghiên cứu trên đề tài đi tới kết luận:

- Số lượng GV dạy thể dục và điều kiện cơ sở vật chất còn thiếu chưa đáp ứng đầy đủ cho công tác GDTC của Nhà trường.

- Tình trạng cơ sở vật chất phục vụ cho việc giảng dạy, học tập và hoạt động phong trào tập luyện ngoại khóa của SV còn thiếu thốn, lạc hậu, kinh phí còn hạn chế. Đây là một trong những cản trở quan trọng đến việc GDTC cho SV ở trường ĐHTMHN.

Qua khảo sát việc sử dụng giải pháp của các trường Trường ĐHTMHN, đề tài nhận thấy việc áp dụng các giải pháp nhằm nâng cao thể lực cho SV trường ĐHTMHN còn hạn chế.